TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **1195**/2023/QĐST - HNGĐ	*Đống Đa, ngày 27 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1176/2023/TLST-HNGĐ ngày 18/12/2023, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- **Chị Trần Thị Ngọc H**, sinh năm: 1984; HKTT: Số 21 ngõ 18 phố N, phường L, quận Đ, thành phố H.

- **Anh Nguyễn Công Đ,** sinh năm: 1982; HKTT: Số 21 ngõ 18 phố N, phường L, quận Đ, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị Ngọc H và anh Nguyễn Công Đ kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện K, tỉnh H ngày 02/01/2011. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính cách, cuộc sống chung không hạnh phúc và vợ chồng đã sống ly thân.

Chị H và anh Đ khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn của anh chị.

[2] Về con chung: Chị H và anh Đ có 01 con chung: Nguyễn Đức M, sinh ngày 02/12/2011. Ly hôn, anh chị thống nhất thoả thuận: chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Tài sản chung (động sản, bất động sản): Chị H và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về vay nợ chung: Chị H và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Chị H và anh Đ thống nhất để chị H chịu cả 300.000 đồng - lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Xét thấy: Các thỏa thuận trên của đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Ngọc H và anh Nguyễn Công Đ

- **Về con chung**: Xác nhận chị H và anh Đ có 01 con chung: Nguyễn Đức M, sinh ngày 02/12/2011. Giao cháu Đức M cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Đ cho đến khi chị H có yêu cầu hoặc đến khi có quyết định pháp luật khác thay thế.

Anh Đ có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung**: Chị H và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- **Về vay nợ chung**: Chị H và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị H và anh Đ để chị H chịu toàn bộ tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng chị H đã nộp tại Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000000853139 ngày 18/12/2023 của Công ty CP thanh toán quốc gia Việt Nam vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa tại Kho bạc Nhà nước quận Đống Đa. Chị H đã nộp đủ tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu hôn nhân và gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND quận Đống Đa;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn B, huyện K, Tỉnh H;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Tú